

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 13/2022/HS-PT
Ngày 01 - 4 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Ông Trần Văn Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2022/HS-PT ngày 27 tháng 01 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1969; tại: Xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Hoàng Thị Q; có chồng là Nguyễn Văn B và 04 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Lê Thị Kim O, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1972; tại: Xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Trần Thị S; có chồng là Nguyễn Văn C và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Bị hại kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/3/1969; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

2. Lê Thị Kim O, sinh ngày 18/02/1972; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:*

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn Ấ, xã A, huyện Ấ, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:*

1. Ông Nguyễn Đại H - Luật sư của công ty Luật TNHH Fanci – Chi nhánh Thăng Long, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018, gia đình bị cáo Lê Thị Kim O và gia đình bị cáo Nguyễn Thị T (Ở cùng thôn) xảy ra nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc sử dụng đất trồng sắn đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Cụ thể, tại khu vực thôn Ấ, gần nhà các bị cáo sinh sống có diện tích đất được quy hoạch xây dựng nhà máy xuất khẩu 2 của công ty cổ phần may Hùng Vương (Đã có quyết định thu hồi đất từ năm 2013) nhưng công ty Hùng Vương chưa xây dựng nhà máy. Năm 2019 gia đình bị cáo O đã tự ý sử dụng một phần đất để trồng sắn (Diện tích đất này ở vị trí đối diện với gia đình O và giáp đất ở của gia đình T). Cùng năm đó, gia đình nhà T cũng ra khu đất này để trồng Sắn dẫn đến hai bên gia đình tranh giành nhau diện tích đất này.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/3/2020, O mang theo 01 xe rửa, 01 con dao mong, 01 xà beng đi đến khu đất này để trồng sắn. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T cầm 01 chiếc xà beng, 01 con dao mong, ôm một đon cây Sắn ra khu đất trên để trồng. Thời điểm này, tại khu vực có các cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 2011 (Con trai T); cháu Nguyễn Quang Đ, sinh năm 2009; cháu Nguyễn Việt E, sinh năm 2011 và cháu Nguyễn Văn Ê, sinh năm 2008 (Đều ở thôn Ấ, xã A) đang chơi cùng nhau.

Khi ra đến nơi T quan sát cây sắn của mình đã trồng trước đó bị nhổ mất và O đang trồng cây sắn, T đi lại gần và nói: “*Không biết ai nhổ cây sắn của nhà tôi trồng bỏ đây?*” O nói “*Mày muốn gì? Đất của mày ở dưới kia tao đã xí cho mày rồi mà mày còn lên đây tranh*”. T nói tiếp “*Ai cho mày làm ở đây? Đất của mày à?*”, O nói “*Cái loại lằng lộn, tao không thèm dây*”. Hai bên tiếp tục có lời lẽ xúc phạm, to tiếng cãi chửi nhau khoảng từ 03-05 phút. Lúc này, O và T đang đứng đối diện với nhau, O đang cầm xà beng bằng kim loại kích thước 1,01m x 2cm, vụt ngang từ trái qua phải trúng vào phần gò má phải của T, T bị choáng nên làm rơi con dao và xà beng đang cầm trên tay xuống đất. T và O cùng cúi xuống nhặt dao thì O nhặt được dao của T làm rơi dưới đất lên, T lao vào giằng co, hai bên túm, giật tóc nhau làm cả hai ngã xuống và vật lộn trên nền đất. O bị ngã ngửa đồng thời làm cho con dao đang cầm trên tay của O cứa vào tay trái của T. Khi

ngã xuống đất, T nằm sấp đè lên phía trên người O. Lúc này tay trái T giữ tay phải cầm dao của O, còn tay phải túm tóc O giật đập đầu O xuống đất nhiều lần, tay trái của O cũng túm tóc của T kéo ghì xuống. Quá trình vật lộn, giằng co, T tiếp tục bị con dao tỳ vào tay trái nên bị rách da, chảy máu. Lúc này cháu D, cháu Đ, cháu E và cháu Vinh chạy đến gần vị trí hai người vật lộn nhau, đứng cách khoảng 02m để xem. Cháu D giằng lấy con dao trên tay của O và T đang giằng co thì bị va vào dao nên đứt tay. Khi giằng được dao từ tay O, cháu D vứt con dao cách vị trí O và T đang vật lộn khoảng vài mét. Lúc này, T tiếp tục dùng tay phải nhặt 01 hòn đá tại nền đất bên cạnh đó, đập liên tiếp vào mặt và người O rồi T vùng dậy cùng cháu D bỏ chạy. O vùng dậy nhặt được 01 xà beng ngay cạnh đó đuổi theo T, O lao xà beng về phía T, một đầu xà beng đâm sượt, trúng vào sườn trái của T đồng thời O bị trượt chân ngã ngổ xuống đất. Sau đó O không đuổi đánh T nữa mà cầm xà beng quay lại vị trí ban đầu rồi đi lên đường quốc lộ nhờ người giúp đưa đi cấp cứu. Còn T cùng cháu D chạy đến nhà cụ Nguyễn Thị G (Hàng xóm) và được người nhà đưa đi cấp cứu. Hậu quả:

- Lê Thị Kim O bị 01 vết bầm tím bắp tay trái, 01 vết đau tại đỉnh đầu, nhiều vết tím bầm dập ở trán, 02 vết rách da ở phần đầu sau gáy, 01 vết xước da ở phần cổ phía dưới dái tai trái, gãy xương mũi bên phải, đi khám và điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

- Nguyễn Thị T bị 02 vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt ngoài sau cẳng tay trái, 01 vết thương vùng mào chấu trước trên bên trái và vết bầm tím biến đổi sắc tố da sau chấn thương gò má phải, đi khám và điều trị tại Trung tâm y tế huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Cháu Nguyễn Văn D bị 01 vết rách da ở lòng bàn tay trái, 01 vết rách da ở ngón tay cái bên trái. Ngoài ra không bị thương tích gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Ā đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Lê Thị Kim O, Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Văn D theo quy định.

- Đối với thương tích của Lê Thị Kim O:

- + Tại Kết luận giám định thương tích số 134/TgT ngày 15/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 05% (Năm phần trăm), khi nào điều trị ổn định sẽ giám định bổ sung. Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích có thể do vật tày gây nên.

Tại Kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 251/Tgt ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 12%. Cơ chế hình thành thương tích: Sẹo vết thương phần mềm màu nâu nhạt góc trong mi dưới mắt

phải và gãy xương mũi bên phải có thể do vật tày gây nên, 02 vết sẹo vùng đỉnh cằm sau bên trái, vùng cằm sau có thể do vật sắc gây nên.

- Đối với thương tích của Nguyễn Thị T:

+ Tại Kết luận giám định số 133/Tgt ngày 28/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 02% (Hai phần trăm), khi nào điều trị ổn định sẽ giám định bổ sung.

+ Tại Kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 250/Tgt ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 06%. Cơ chế hình thành thương tích: 02 sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt ngoài sau cẳng tay trái do vật sắc gây nên, đám biến đổi sắc tố da sau chấn thương gò má phải, sẹo phần mềm vùng máo chậu trước bên trái do vật tày gây nên.

- Đối với thương tích của cháu Nguyễn Văn D, do thương tích nhẹ, chỉ bị xây sát ngoài ra, không ảnh hưởng đến sức khỏe nên gia đình cháu D tự nguyện từ chối giám định, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện A, do có một số mâu thuẫn về thương tích của Lê Thị Kim O về vết thương gãy xương mũi bên phải nên bị cáo Nguyễn Thị T và Luật sư đã có đơn yêu cầu đề nghị giám định lại thương tích của Lê Thị Kim O. Ngày 15/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện A đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại, trưng cầu Viện pháp y Quân đội giám định lại thương tích của Lê Thị Kim O. Tại kết luận giám định số 126/GĐ-PY ngày 24/02/2021 của Viện Pháp y Quân đội kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Chấn thương vùng góc mũi, chấn thương phần mềm vùng góc mắt phải, góc mắt trái, vết thương phần mềm vùng đầu đã điều trị. Hiện tại:

- Sẹo bên phải sống mũi...
- Sẹo vùng cạnh góc trong mắt phải...
- Đám da thay đổi màu sắc cạnh góc trong mắt trái...
- Sẹo vùng đỉnh cằm trái...
- Sẹo vùng cằm...
- CT scanner sọ não, hàm mặt không thấy bất thường liên quan sau chấn thương.

2. Kết luận theo nội dung trưng cầu:

2.1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích

...

- Sẹo vùng cạnh góc trong mắt phải, tỷ lệ 3%.
- Đám da thay đổi màu sắc cạnh góc trong mắt trái, tỷ lệ 1%

- Sẹo bên phải sống mũi, tỷ lệ 0,5%
- Sẹo vùng đỉnh cằm trái, tỷ lệ 1%.
- Sẹo vùng cằm, tỷ lệ 1%.
- Chấn thương vùng gốc mũi gây gãy xương mũi hiện đã liền xương, không để lại di chứng, chúng tôi không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể....

Vậy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích của Lê Thị Kim O thời điểm giám định là 06%.”

Như vậy, có sự khác nhau giữa kết quả giám định pháp y về thương tích lần đầu và giám định lại pháp y về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Thị Kim O. Tuy nhiên, các kết quả giám định thương tích đều thể hiện đầy đủ các thương tích của Lê Thị Kim O nhưng do chấn thương vùng gốc mũi gây gãy xương mũi hiện đã liền xương, không để lại di chứng nên tại bản kết luận giám định lại pháp y, Viện pháp y quân đội không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với vết thương gãy xương mũi bên phải. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện A và Viện kiểm sát nhân dân huyện A xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Thị Kim O do thương tích gây nên là 12% làm căn cứ đề nghị truy tố và truy tố bị cáo Nguyễn Thị T.

Về vật chứng vụ án và tài sản thu giữ:

- 01 con dao bằng kim loại chuôi bằng kim loại kích thước 39cm x 6,2cm của Nguyễn Thị T; 01 chiếc xà beng bằng kim loại thân có rãnh xoắn một đầu bẹt dạng lưỡi kích thước 1,01m x 2cm của Lê Thị Kim O là công cụ phạm tội.

- 04 (bốn) hòn đá không rõ kích thước thu tại hiện trường vụ án, có đặc điểm tương đồng với hung khí mà T dùng để gây thương tích cho O.

- 02 chiếc dép tổ ong kích thước như nhau là 26cm x 10cm x 6cm; 01 con dao bằng kim loại chuôi bằng gỗ dạng một lưỡi kích thước 40cm x 5,7cm thu giữ tại hiện trường của Lê Thị Kim O không liên quan đến hành vi phạm tội, O yêu cầu nhận lại.

- 01 chiếc xà beng bằng kim loại một đầu bẹt dạng lưỡi thân có rãnh, đầu nhẵn kích thước 1,3m x 3cm; 02 chiếc ủng màu xanh đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng; 01 chiếc nón lá màu xám đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường của Nguyễn Thị T. Không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng do giá trị sử dụng đã hết, T không yêu cầu nhận lại.

- 01 chiếc khẩu trang y tế đã qua sử dụng; 01 chiếc khẩu trang vải in hoa văn nhiều màu đã qua sử dụng, đều không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Kim O và Nguyễn Thị T đều yêu cầu được bồi thường toàn bộ thiệt hại như chi phí khám chữa bệnh, bồi thường về sức khỏe, danh dự nhân phẩm bị xâm hại, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo O bồi thường:

Chi phí khám thương, chi phí điều trị, viện phí, chi phí đi lại, tiền thuốc, tiền nghỉ công lao động để điều trị, tiền người đi nuôi là 26.000.000đ. Tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền công nghỉ điều trị sau ra viện, tiền tổn thất tinh thần là: 100.000.000đ. Tổng yêu cầu là: 126.000.000đ.

Bị cáo Lê Thị Kim O yêu cầu bị cáo T phải bồi thường:

Chi phí khám thương, chi phí điều trị, viện phí, chi phí đi lại, tiền thuốc, tiền nghỉ công lao động để điều trị, tiền người đi nuôi là 76.800.000đ. Tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền công nghỉ điều trị sau ra viện, tiền tổn thất tinh thần là: 100.000.000đ. Tổng yêu cầu là: 176.800.000đ.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 3.000.000đ tại biên lai thu số AA/2015/0002490 ngày 04 tháng 6 năm 2021 và 10.000.000đ tại biên lai thu số 0001253 ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ā, tỉnh Vĩnh Phúc để bồi thường cho bị cáo O.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2021/HS-ST ngày 30/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Ā, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị T và Lê Thị Kim O phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Điều 87; Điều 92; Điều 93 Luật thi hành án hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTHQH14 quy định về án phí, lệ phí. *Xử phạt:* Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTHQH14 quy định về án phí, lệ phí thử thách. *Xử phạt:* Lê Thị Kim O 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2021 bị cáo T (Đồng thời là bị hại) kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo O và không cho O hưởng án treo. Ngày 03/12/2021 bị cáo O (Đồng thời là bị hại) kháng cáo đề nghị tăng hình phạt với T, không cho bị cáo T hưởng án treo, tăng bồi thường và kháng cáo cho rằng mình không phạm tội. Ngày 03/12/2021, ông Nguyễn Văn C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị tăng hình phạt với T, không cho bị cáo T hưởng án treo, tăng bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo O, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là ông C rút toàn bộ kháng cáo đối với bị cáo T. Bị cáo O bổ sung kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo O và ông C đối với bị cáo T. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim O, sửa bản án sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T về việc đề nghị tăng hình phạt và không cho bị cáo O hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng việc Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo O hưởng án treo là không có căn cứ vì: Bị cáo O chưa thật sự ăn năn hối cải, chưa bồi thường, bị cáo O bị áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ, không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Thị Kim O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút toàn bộ kháng cáo đối với bị cáo T. Việc rút kháng cáo của bị cáo O và ông C là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Thị Kim O đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ để xác định như sau: Do có mâu thuẫn với nhau từ năm 2018 về quá trình sinh hoạt và tranh chấp đất trồng sắn, khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/3/2020, O mang theo 01 xe rùa, 01 con dao mong, 01 xà beng đi đến khu đất này để trồng sắn. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T cầm 01 chiếc xà beng, 01 con dao mong, ôm một đon cây sắn ra khu đất trên cũng để trồng cây sắn. Khi ra đến nơi, T quan sát thấy sắn của mình đã trồng trước đó bị nhổ và O đang trồng sắn ở đó, T đi lại gần và nói: “*Không biết ai nhổ cây sắn của nhà tôi trồng bỏ đây?*” O nói “*Mày muốn gì? Đất của mày ở dưới kia tao đã xí cho mày rồi mà mày còn lên đây tranh*”. T nói tiếp “*Ai cho mày làm ở đây? Đất của mày à?*”, O

nói “*Cái loại lằng lộn, tao không thêm dây*”. Hai bên tiếp tục có lời lẽ xúc phạm, to tiếng cãi chửi nhau khoảng từ 03-05 phút. Lúc này, O và T đang đứng đối diện với nhau, O đang cầm xà beng, vọt ngang từ trái qua phải trúng vào phần gò má phải của T, T bị choáng nên buông tay làm rơi con dao và xà beng đang cầm trên tay. T và O cùng cúi xuống nhặt dao thì O nhặt được dao trước, T lao vào giằng co dao, hai bên túm, giật tóc nhau làm cả hai ngã xuống và vật lộn trên nền đất. O bị ngã ngửa đồng thời làm cho con dao đang cầm trên tay phải của O cứa vào tay trái của T. Khi ngã xuống đất, T nằm sấp đè lên phía trên người O. Tay trái T giữ tay phải cầm dao của O, còn tay phải T túm tóc O giật đập đầu O xuống đất nhiều lần, tay trái của O cũng túm tóc của T kéo ghì xuống. Quá trình vật lộn, giằng co, T tiếp tục bị con dao cứa vào tay trái nên bị rách da, chảy máu. Lúc này cháu D chạy đến gần vị trí hai người vật lộn, giằng lấy con dao trên tay của O và T thì bị va vào dao nên đứt tay. Khi lấy được dao từ tay O, cháu D vứt con dao cách vị trí O và T đang vật lộn khoảng vài mét. T tiếp tục dùng tay phải nhặt 01 hòn đá tại nền đất bên cạnh đó, đập vào mặt và người O rồi T vùng dậy cùng cháu D bỏ chạy. O vùng dậy nhặt được 01 xà beng ngay cạnh đó đuổi theo T, O lao xà beng về phía T, một đầu xà beng đâm sượt, trúng vào sườn trái của T đồng thời O bị trượt chân ngã ngửa xuống đất.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện A đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Lê Thị Kim O, Nguyễn Thị T theo quy định.

- Đối với thương tích của Lê Thị Kim O:

+ Tại Kết luận giám định thương tích số 134/TgT ngày 15/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 05% (Năm phần trăm), khi nào điều trị ổn định sẽ giám định bổ sung. Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích có thể do vật tày gây nên.

Tại Kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 251/Tgt ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 12%. Cơ chế hình thành thương tích: sẹo vết thương phần mềm màu nâu nhạt góc trong mi dưới mắt phải và gãy xương mũi bên phải có thể do vật tày gây nên, 02 vết sẹo vùng đỉnh cằm sau bên trái, vùng cằm sau có thể do vật sắc gây nên.

- Đối với thương tích của Nguyễn Thị T:

+ Tại Kết luận giám định số 133/Tgt ngày 28/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 02% (Hai phần trăm), khi nào điều trị ổn định sẽ giám định bổ sung.

+ Tại Kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 250/Tgt ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có kết luận: Tỷ lệ

tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 06%. Cơ chế hình thành thương tích: 02 sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt ngoài sau cẳng tay trái do vật sắc gây nên, đám biến đổi sắc tố da sau chấn thương gò má phải, sẹo phần mềm vùng mào chậu trước bên trái do vật tày gây nên.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ. Xét xử Lê Thị Kim O về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2021 bị cáo T (Đồng thời là bị hại) kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị cáo O. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, bị cáo O không thành khẩn khai báo, không bồi thường. Cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi, thái độ khai báo và sự ăn năn hối cải của bị cáo O để phạt bị cáo 01 năm 03 tháng là phù hợp vì thương tích do bị cáo gây nên chỉ 06%. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[5] Ngày 03/12/2021, bị cáo O kháng cáo đề nghị tăng hình phạt với T, không cho bị cáo T hưởng án treo, yêu cầu tăng bồi thường và kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận ra sai lầm, xin rút kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường và tăng hình phạt đối với bị cáo T; bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, không bồi thường nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo vẫn cho rằng mình bị oan và kháng cáo kêu oan. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã có đơn từ chối luật sư và nhận ra lỗi lầm của mình và tự nguyện bồi thường cho bị cáo T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Trong vụ án này xuất phát từ mâu thuẫn trong quá trình sinh hoạt tại khu dân cư bị cáo T và bị cáo O không kiềm chế được đã lao vào đánh nhau, không phải có sự chuẩn bị từ trước, thương tích do dao và xà beng gây nên nhưng chỉ là thương tích nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo O đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, cho bị cáo O hưởng án treo như đề xuất của Viện kiểm sát, để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[5] Đối với đề nghị của luật sư cho rằng bị cáo O không đủ điều kiện để cho hưởng án treo vì bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải, việc bồi thường như vậy chưa đủ điều kiện để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và phải xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ đối với bị cáo O. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này hai bị cáo, đồng thời là hai bị hại, cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định buộc bị cáo T phải bồi thường cho O 34.230.006đ, bị cáo O phải bồi thường cho T 28.486.538đ. Sau khi nhận ra lỗi của mình, bị cáo O đã đến cơ quan thi hành án tự nguyện nộp 7.256.538đ là số tiền sau khi đối trừ nghĩa vụ bị cáo T cần phải bồi thường. Như vậy, các bị cáo đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Nên bị cáo O được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Việc hai bị cáo đều là phụ nữ, gây thương tích cho nhau do mâu thuẫn trong sinh hoạt ở khu dân cư từ năm 2018, việc gây thương tích không có sự chuẩn bị trước, giữa hai gia đình có mối quan hệ thông gia với nhau, nên đề nghị của luật sư áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ đối với bị cáo O không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng trong phần quyết định không quyết định vấn đề gì liên quan đến ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm ông C có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với bị cáo T, không cho bị cáo T được hưởng án treo là không đúng quy định, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim O được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T về việc đề nghị tăng hình phạt, tăng bồi thường đối với bị cáo Lê Thị Kim O.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Văn C về việc đề nghị tăng hình phạt và không cho bị cáo Nguyễn Thị T hưởng án treo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim O, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim O 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Phòng Hành chính tư pháp, Tòa hình sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường